

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014  
đã được soát xét



## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 31



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi bổ sung.

Hoạt động của Công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô; sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải (không gia công cơ khí tại trụ sở); mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống); sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; dịch vụ vệ sinh công nghiệp; kinh doanh bất động sản; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

Trụ sở chính của Công ty tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tiếp	Thành viên (đến ngày 09/06/2014)
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Đàm Phan Liêm	Thành viên (đến ngày 09/06/2014)
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Thành viên
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Đàm Phan Liêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Mai Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Văn Thanh Liêm**  
Chủ tịch

Ngày 15 tháng 08 năm 2014

**Đàm Phan Liêm**  
Tổng Giám đốc

Số: 10/BCSX/TC

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn được lập ngày 15 tháng 08 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Nguyễn Thị Lan**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2014

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Anh Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1559-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>193.050.209.462</b>	<b>244.085.366.826</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>37.350.894.580</b>	<b>21.819.836.363</b>
1. Tiền	111		37.350.894.580	21.819.836.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>146.222.422.575</b>	<b>214.401.582.803</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	135.355.128.353	211.274.880.710
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	5.118.774.512	140.679.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	5.748.519.710	2.986.023.093
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	140	V.5	<b>1.789.715.339</b>	<b>1.349.505.520</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.789.715.339	1.349.505.520
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>7.687.176.968</b>	<b>6.514.442.140</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	4.131.005.566	3.127.758.961
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.7	1.919.895.835	1.919.895.835
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.636.275.567	1.466.787.344
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>108.457.682.380</b>	<b>107.687.528.984</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		<b>22.904.211.160</b>	<b>32.096.727.704</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.904.211.160	32.096.727.704
- Nguyên giá	222		127.274.242.356	127.638.506.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.370.031.196)	(95.541.778.505)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.10	<b>43.660.000.000</b>	<b>43.660.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		41.310.000.000	41.310.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.350.000.000	2.350.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>41.893.471.220</b>	<b>31.930.801.280</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	41.893.471.220	31.930.801.280
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>301.507.891.842</b>	<b>351.772.895.810</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>182.368.733.651</b>	<b>269.458.720.260</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>182.368.733.651</b>	<b>266.000.604.300</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	3.458.115.960	4.378.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.13	157.131.427.184	201.678.931.172
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	403.555.750	299.086.734
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1.973.166.433	5.182.953.156
5. Phải trả người lao động	315		3.676.531.856	4.127.766.903
6. Chi phí phải trả	316	V.16	15.033.201.346	49.877.072.875
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	508.653.619	259.259.457
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		184.081.503	197.534.003
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		-	<b>3.458.115.960</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	-	3.458.115.960
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>119.139.158.191</b>	<b>82.314.175.550</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.19	<b>119.139.158.191</b>	<b>82.314.175.550</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.496.000.000	27.496.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.596.027.258	16.596.027.258
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.000.000.000	8.000.000.000
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.952.869.067)	(49.777.851.708)
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>301.507.891.842</b>	<b>351.772.895.810</b>

Người lập biểu



Võ Thành Tiên

Ngày 15 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng



Trần Bình Nam

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc




Đàm Phan Liêm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.824.982.641	(70.209.553.972)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.440.751.545	9.948.966.858
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.843.363.638)	-
- Chi phí lãi vay	06	130.314.284	841.308.775
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.552.684.832	(59.419.278.339)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	68.009.672.005	73.691.397.975
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(440.209.819)	233.800.242
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(82.599.276.646)	9.177.251.319
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.965.916.545)	1.949.601.680
- Tiền lãi vay đã trả	13	(229.571.747)	(1.039.183.170)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.452.500)	(8.369.663.438)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>18.313.929.580</b>	<b>16.223.926.269</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(248.235.001)	(195.000.000)
2. Tiền thu từ nhượng bán tài sản cố định	22	316.363.638	-
3. Tiền chi cho vay	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	1.527.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>1.595.128.637</b>	<b>(195.000.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.378.000.000)	(9.286.422.918)
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.119.891.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(4.378.000.000)</b>	<b>(13.406.314.118)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>15.531.058.217</b>	<b>2.622.612.151</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.819.836.363	28.932.429.645
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	37.350.894.580	31.555.041.796

Người lập biểu



Võ Thành Tiên

Ngày 15 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng



Trần Bình Nam

Tổng Giám đốc



Đàm Phan Liêm



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Công ty tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô; sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải (không gia công cơ khí tại trụ sở); mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống); sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; dịch vụ vệ sinh công nghiệp; kinh doanh bất động sản; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục cổ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

### 12. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

### 13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	146.657.000	21.195.000
Tiền gửi ngân hàng	37.204.237.580	21.798.641.363
<b>Cộng</b>	<b>37.350.894.580</b>	<b>21.819.836.363</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	364.673.997	802.180.581
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	-
Công ty CPTM Bia Sài Gòn Miền Trung và chi nhánh	181.368.393	16.313.894.324
Công ty CPTM Bia Sài Gòn Tây Nguyên và chi nhánh	35.220.405.216	18.009.419.417
Công ty CPTM Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ và chi nhánh	27.880.423.867	35.298.478.723
Công ty CPTM Bia Sài Gòn Miền Đông và chi nhánh	16.204.852.177	29.923.593.596
Công ty CPTM Bia Sài Gòn Sông Tiền và chi nhánh	13.102.798.981	11.247.186.739
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	211.282.170	457.551.363
Công ty CP Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và chi nhánh	55.343.448	55.343.448
Công ty CPTM Bia Sài Gòn Sông Hậu và chi nhánh	12.557.054.225	24.584.031.774
Công ty CPTM Bia Sài Gòn Trung Tâm	17.966.865.206	60.325.297.847
Công ty CP Bao bì Bia Sài Gòn	2.456.426.040	2.956.426.040
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam	141.726.982	813.413.294
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	845.054.926
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	644.746.626	644.746.626
Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	600	188.546.600
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Lý	7.708.800	7.708.800
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	153.982.400	-
Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc	198.580.500	-
Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran - Miền Trung	1.463.302.500	1.463.302.500
Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây	3.882.149.590	3.882.149.590
Công ty CP Vận tải giao nhận và Thương mại Quang Châu	14.368.475	10.998.130
Các khách hàng khác	2.647.068.160	3.445.556.392
<b>Cộng</b>	<b>135.355.128.353</b>	<b>211.274.880.710</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Trả trước cho người bán**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.118.774.512	140.679.000
<b>Cộng</b>	<b>5.118.774.512</b>	<b>140.679.000</b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	195.251.931	195.251.931
Phải thu thuế thu nhập cá nhân trước cổ phần hóa	-	4.977.363
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu của người lao động	-	128.793.541
Thu tiền các khách hàng hộ cho Công ty Cổ phần nước giải khát Chương Dương	1.488.079.204	1.488.079.204
Phải thu khác	4.065.188.575	1.168.921.054
<b>Cộng</b>	<b>5.748.519.710</b>	<b>2.986.023.093</b>

**5. Hàng tồn kho**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng ô tô	1.767.301.317	1.343.091.498
Công cụ, dụng cụ	22.414.022	6.414.022
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>1.789.715.339</b>	<b>1.349.505.520</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>1.789.715.339</b>	<b>1.349.505.520</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	27.047.347	65.087.260
Chi phí mua bảo hiểm	1.021.307.727	371.736.659
Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định	2.192.096.292	2.445.845.475
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	890.554.200	245.089.567
<b>Cộng</b>	<b>4.131.005.566</b>	<b>3.127.758.961</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.919.895.835	1.919.895.835
Các khoản khác phải thu nhà nước	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.919.895.835</b>	<b>1.919.895.835</b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.636.275.567	1.466.787.344
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.636.275.567</b>	<b>1.466.787.344</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	126.000.000	451.000.000	123.332.058.879	3.729.447.330	127.638.506.209
- Mua trong kỳ	-		156.264.091	91.970.910	248.235.001
- Thanh lý, nhượng bán			(612.498.854)	-	(612.498.854)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>126.000.000</b>	<b>451.000.000</b>	<b>122.875.824.116</b>	<b>3.821.418.240</b>	<b>127.274.242.356</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	126.000.000	204.772.858	91.611.922.865	3.599.082.782	95.541.778.505
- Khấu hao	-	47.009.682	9.320.646.148	73.095.715	9.440.751.545
- Thanh lý, nhượng bán			(612.498.854)		(612.498.854)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>126.000.000</b>	<b>251.782.540</b>	<b>100.320.070.159</b>	<b>3.672.178.497</b>	<b>104.370.031.196</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm		- 246.227.142	31.720.136.014	130.364.548	32.096.727.704
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>- 199.217.460</b>	<b>22.555.753.957</b>	<b>149.239.743</b>	<b>22.904.211.160</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.937.537.259 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 2.448.492.903 đồng)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/06/2014 lần lượt là 28.689.588.692 đồng và 6.731.710.250 đồng (tại ngày 31/12/2013 lần lượt là 97.935.557.479 đồng và 10.357.756.856 đồng) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – chi nhánh Sài Gòn.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>41.310.000.000</b>		<b>41.310.000.000</b>
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran – Miền Trung	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Miền Tây	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>2.350.000.000</b>		<b>2.350.000.000</b>
Công ty cổ phần Kinh doanh lương thực Thực phẩm Sabeco	90.000	1.350.000.000	90.000	1.350.000.000
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>		<b>-</b>		<b>-</b>
<b>Cộng</b>		<b>43.660.000.000</b>		<b>43.660.000.000</b>

**Đầu tư vào công ty con bao gồm:**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001595 ngày 18 tháng 09 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc là 13.770.000.000 đồng (1.377.000 cổ phần), tương đương 51% vốn điều lệ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000139 ngày 20 tháng 09 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran – Miền Trung là 13.770.000.000 đồng (1.377.000 cổ phần), tương đương 51% vốn điều lệ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.0.3.000059 ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Miền Tây là 13.770.000.000 đồng (1.377.000 cổ phần), tương đương 51% vốn điều lệ.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước thuê hoạt động tài sản cố định	24.375.123.694	5.818.213.078
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.518.347.526	26.112.588.202
<b>Cộng</b>	<b>41.893.471.220</b>	<b>31.930.801.280</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18)	3.458.115.960	4.378.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.458.115.960</b>	<b>4.378.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Phải trả người bán**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Vận Tải Giao Nhận và Thương Mại Quảng Châu	14.759.168.425	14.123.315.485
Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thương Mại	3.600.000.000	9.643.504.121
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn	5.568.420	8.288.280
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	498.602.500	498.602.500
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc	4.935.422.998	10.118.495.860
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn Sabetran - Miền Trung	12.500.000.000	28.614.069.542
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn Miền Tây	34.053.163.367	40.247.692.101
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh	-	3.025.362.288
Các nhà cung cấp khác	86.779.501.474	95.399.600.995
<b>Cộng</b>	<b>157.131.427.184</b>	<b>201.678.931.172</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	403.555.750	299.086.734
<b>Cộng</b>	<b>403.555.750</b>	<b>299.086.734</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.922.321.551	5.181.177.169
Thuế thu nhập cá nhân	50.844.882	1.775.987
<b>Cộng</b>	<b>1.973.166.433</b>	<b>5.182.953.156</b>

**16. Chi phí phải trả**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê xe vận chuyển	14.761.546.534	48.373.175.129
Chi phí lãi vay phải trả	-	99.257.463
Chi phí phải trả khác	271.654.812	1.404.640.283
<b>Cộng</b>	<b>15.033.201.346</b>	<b>49.877.072.875</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	444.080.549	188.184.694
Cổ tức phải trả	55.685.500	55.685.500
Nhận ký quỹ ký cược	4.042.500	4.042.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.845.070	11.346.763
<b>Cộng</b>	<b>508.653.619</b>	<b>259.259.457</b>

**18. Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	-	3.458.115.960
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.458.115.960</b>

Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tính dụng số TD.1320.09/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2009 để nhập khẩu ùy thác phương tiện vận tải với lãi suất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cộng 2%, thời hạn vay là 60 tháng. Số dư nợ gốc vay là 3.458.115.960 đồng. Số dư nợ vay đến hạn trả đã được phân loại sang nợ ngắn hạn là 3.458.115.960 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	27.496.000.000	16.596.027.258	8.000.000.000	5.377.922.474	137.469.949.732
Lãi trong năm trước					(50.188.636.449)	(50.188.636.449)
Trích lập các quỹ					(445.650.086)	(445.650.086)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát					(2.026.000.000)	(2.026.000.000)
Chi tiền thưởng cán bộ công nhân viên công ty					(1.882.270.147)	(1.882.270.147)
Biến động khác					(613.217.500)	(613.217.500)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>27.496.000.000</b>	<b>16.596.027.258</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>(49.777.851.708)</b>	<b>82.314.175.550</b>
Lãi trong kỳ này					36.824.982.641	36.824.982.641
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>27.496.000.000</b>	<b>16.596.027.258</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>(12.952.869.067)</b>	<b>119.139.158.191</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2014	%	01/01/2014	%
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	20.000.000.000	25	20.000.000.000	25
Vốn góp của các đối tượng khác	60.000.000.000	75	60.000.000.000	75
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chi trả	-	(4.119.891.200)
- Chi trả cổ tức kỳ trước	-	(4.119.891.200)
- Chi trả cổ tức kỳ này	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	238.366.627	1.732.021.682
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	548.296.507.501	461.038.025.862
<b>Cộng</b>	<b>548.534.874.128</b>	<b>462.770.047.544</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

2. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn hàng hóa	30.771.871	1.679.678.511
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	497.552.697.789	512.283.471.059
<b>Cộng</b>	<b>497.583.469.660</b>	<b>513.963.149.570</b>
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	72.309.870	143.024.551
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.527.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.599.309.870</b>	<b>143.024.551</b>
4. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	130.314.284	841.308.775
<b>Cộng</b>	<b>130.314.284</b>	<b>841.308.775</b>
5. Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí cho nhân viên	2.431.257.216	4.068.100.410
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	44.322.959	502.808.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	40.920.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.705.031.202	1.501.826.967
Chi phí bằng tiền khác	235.119.293	165.937.309
<b>Cộng</b>	<b>4.415.730.670</b>	<b>6.279.593.189</b>

1386  
 CÔNG T  
 NGHIỆM  
 VỤ TL  
 NH KẾ  
 KIỂM T  
 M VI  
 P.HC

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	5.007.755.239	6.580.155.166
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	349.878.265	551.076.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.380.852	526.657.936
Chi phí thuê, phí, lệ phí	345.857.082	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.632.627.318	3.122.793.691
Chi phí bằng tiền khác	1.555.623.008	891.412.315
<b>Cộng</b>	<b>9.953.121.764</b>	<b>11.675.095.272</b>

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	316.363.638	-
Thu nhập khác	2.580	3.281
<b>Cộng</b>	<b>316.366.218</b>	<b>3.281</b>

**8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	-
Chi phí khác	1.542.931.197	363.482.542
<b>Cộng</b>	<b>1.542.931.197</b>	<b>363.482.542</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2013 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.824.982.641	(70.209.553.972)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	575.931.197	649.474.730
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được khấu trừ)	2.102.931.197	649.474.730
- Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	1.527.000.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	37.400.913.838	(69.560.079.242)
Chuyển lỗ	(37.400.913.838)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(69.560.079.242)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	22.381.807.605	30.538.273.273
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.312.896.151	25.202.470.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.440.751.545	9.948.966.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.636.875.539	463.348.689.332
Chi phí khác bằng tiền	2.149.219.383	1.199.759.624
<b>Cộng</b>	<b>511.921.550.223</b>	<b>530.238.159.520</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Cp Bia rượu nước giải khát Sài Gòn và chi nhánh	Bên liên quan	Mua hàng	37.702.720
		Cung cấp dịch vụ vận tải	397.866.617
		Cho thuê xe	275.000.000
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn Sabetran Miền Bắc	Công ty con	Thuê dịch vụ vận tải	14.984.486.652
		Bán hàng	198.580.500
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn Sabetran - Miền Trung	Công ty con	Phải trả dịch vụ vận tải	13.500.000.000
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn - Miền Tây	Công ty con	Thuê dịch vụ vận tải	53.383.770.195
		Bán hàng	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	33.312.702.750
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	177.457.772.663
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền và chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	81.619.459.735
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu và chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	79.970.294.813
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông và chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	63.992.515.679
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên và chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	88.321.104.030
Công ty Cp Thương mại bia Sài Gòn Nam Trung Bộ và chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	66.796.055.809
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung và chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	8.356.030.320
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Sông Lam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	118.367.424
Công ty Cp Bao bì bia Sài Gòn sông Lam	Bên liên quan	Cho thuê xe	18.645.000
Công ty Cp Bao bì bia Sài Gòn sông Lam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	81.223.395
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	68.878.477
Công ty TNHH Một thành viên bia Sài Gòn -Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	2.220.147.776
Công ty Cp Bia Sài Gòn Vĩnh Long	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	110.880.000
Công ty Cp Vận tải và Thương mại	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận tải	24.888.690.698
Công ty Cp Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận tải	53.759.450.769
		Bán hàng	3.370.345



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho đến ngày 30/06/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau :

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)</b>
Tổng Công ty Cp Bia rượu nước giải khát Sài Gòn và chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	364.673.997
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn Sabetran Miền Bắc	Công ty con	Phải trả mua hàng	(5.568.420)
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn Sabetran - Miền Trung	Công ty con	Phải trả dịch vụ vận tải	(4.935.422.998)
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn - Miền Tây	Công ty con	Phải thu bán hàng	198.580.500
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(12.500.000.000)
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	Bên liên quan	Phải thu bán hàng	1.463.302.500
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền và chi nhánh	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(34.053.163.367)
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu và chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu bán hàng	3.882.149.590
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông và chi nhánh	Bên liên quan	Nhận ứng trước dịch vụ chợ thuê kho	(403.555.750)
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên và chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	17.966.865.206
Công ty Cp Thương mại bia Sài Gòn Nam Trung Bộ và chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	13.102.798.981
Công ty Cp Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung và chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	12.557.054.225
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Miền Tây	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	16.204.852.177
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh và chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	35.220.405.216
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Sông Lam	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	27.880.423.867
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Hà Nội	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	181.368.393
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Phú Lý Ngãi	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	211.282.170
Công ty Cp Bao bì Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	55.343.448
Công ty TNHH Một thành viên bia Sài Gòn -Hà Tĩnh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	141.726.982
Công ty Cp Vận tải và Thương mại	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	644.746.626
Công ty Cp Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	7.708.800
		Phải thu dịch vụ vận tải	600
		Phải thu tiền thuê kho	2.456.426.040
		Phải trả mua hàng	(498.602.500)
		Phải thu dịch vụ vận tải	153.982.400
		Phải trả dịch vụ vận tải	(3.600.000.000)
		Phải trả dịch vụ vận tải	(14.759.168.425)
		Phải thu bán hàng	14.368.475



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	560.000.000	1.625.749.986
Thu nhập của Ban điều hành	913.908.459	2.432.114.549
<b>Cộng</b>	<b>1.473.908.459</b>	<b>4.057.864.535</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.350.894.580	21.819.836.363	37.350.894.580	21.819.836.363
Phải thu khách hàng	135.355.128.353	211.274.880.710	135.355.128.353	211.274.880.710
Phải thu khác	5.748.519.710	2.852.252.189	5.748.519.710	2.852.252.189
Đầu tư dài hạn khác	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>180.804.542.643</b>	<b>238.296.969.262</b>	<b>180.804.542.643</b>	<b>238.296.969.262</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	3.458.115.960	7.836.115.960	3.458.115.960	7.836.115.960
Phải trả người bán	157.131.427.184	201.678.931.172	157.131.427.184	201.678.931.172
Phải trả khác	15.541.854.965	49.948.147.638	15.541.854.965	49.948.147.638
<b>Cộng</b>	<b>176.131.398.109</b>	<b>259.463.194.770</b>	<b>176.131.398.109</b>	<b>259.463.194.770</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

### 4. Tài sản đảm bảo

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2013 và vào ngày 30/06/2014 (xem thuyết minh V.9, V.18). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 và vào ngày 30/06/2014.

### 5. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất tại ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 19.745 m<sup>2</sup> dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích xây dựng văn phòng làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê có hiệu lực 20 năm bắt đầu từ ngày 01/08/2010 đến 01/08/2030. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Công ty thuê khu nhà và đất tại 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.300 m<sup>2</sup> dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích làm văn phòng làm việc. Hợp đồng thuê có hiệu lực 5 năm bắt đầu từ 29/01/2010 đến 29/01/2015, kèm theo phụ lục 02 ký ngày 25/6/2013 gia hạn thuê đến 28/01/2018. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời hạn thuê.

Công ty thuê kho tại 1153/15 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 4.833 m<sup>2</sup> dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực 3 năm bắt đầu từ 01/01/2012 đến 31/12/2014. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Ngoài ra, Công ty có thuê hoạt động 3 chiếc xe ô tô con với thời hạn thuê trong khoảng từ 15/01/2012 đến 08/01/2016. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời hạn thuê.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.924.626.437	4.221.569.051
Từ 1 năm đến 5 năm	7.345.751.418	13.398.799.709
Từ 5 năm trở lên	13.300.000.000	13.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.570.377.855</b>	<b>31.520.368.760</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư số 81/HDHTĐT/SGB-TTG ngày 26 tháng 10 năm 2009 giữa Công ty với Công ty cổ phần Tập đoàn Trung Thủy, hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà cao cấp hỗn hợp làm văn phòng cho thuê và căn hộ dịch vụ (bán và cho thuê) tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh với vốn đầu tư dự kiến là 950.000.000.000 đồng. Công ty góp vốn bằng quyền thuê đất với diện tích 22.990 m<sup>2</sup> tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại dự án đang được triển khai và Công ty đã di chuyển trụ sở về số 19A đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở văn phòng cũ hiện đang được dọn dẹp để xây dựng tòa nhà văn phòng theo dự án nêu trên.

### 7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>176.187.304.317</b>	-	<b>176.187.304.317</b>
Các khoản vay và nợ	3.514.022.168	-	3.514.022.168
Phải trả người bán	157.131.427.184	-	157.131.427.184
Phải trả khác	15.541.854.965	-	15.541.854.965
<b>Số đầu năm</b>	<b>256.264.092.475</b>	<b>3.458.115.960</b>	<b>259.722.208.435</b>
Các khoản vay và nợ	4.637.013.665	3.458.115.960	8.095.129.625
Phải trả người bán	201.678.931.172	-	201.678.931.172
Phải trả khác	49.948.147.638	-	49.948.147.638

**9. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Tại ngày 30/06/2014, với giả định các biến số khác không đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ không thay đổi đáng kể. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất kỳ này giảm so với năm trước do Công ty đã thanh toán được một phần nợ vay.

**Rủi ro về giá nhiên liệu**

Sự biến động của giá nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến chi phí và do vậy có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty hạn chế ảnh hưởng này thông qua việc đàm phán lại phí vận chuyển ngay khi có sự biến động của giá nhiên liệu.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu



Võ Thành Tiên

Ngày 15 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng



Trần Bình Nam

Tổng Giám đốc



Đàm Phan Liêm

